

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Liên.

2. Ông Đặng Văn Chung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thu Hường, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị T; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Lý Văn C; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Lý Văn C đăng ký kết hôn ngày 07/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ); việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, ông C thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi vã. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải

thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hiện không còn liên lạc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T đề nghị được ly hôn với ông Lý Văn C.

Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Lý Văn H, sinh ngày 27/7/2017. Hiện nay, cháu T đang ở với bà T, cháu H đang ở với ông C tại nhà ông bà nội tại thôn N, xã L, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi cháu Lý Thị T, giao cho ông C trực tiếp nuôi cháu Lý Văn H để bảo đảm sự ổn định trong sinh hoạt và học tập của các cháu; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về công việc, bà T làm nghề nông tại địa phương, thu nhập trung bình vào khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Còn ông C làm nghề gì bà T không rõ, tuy nhiên từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H ở với ông C vẫn sinh hoạt, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, hiện đã học xong lớp 3.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ nơi cư trú, lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt; đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Lý Văn C; tuy nhiên C không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến nguyện vọng của con chung, kết quả: Cháu Lý Thị T có nguyện vọng được ở với mẹ là Đặng Thị T; cháu Lý Văn H có nguyện vọng được ở với bố là Lý Văn C.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/3/2026, ông Hoàng Văn C - Là Bí thư Chi bộ thôn N, xã L, tỉnh Tuyên Quang cung cấp thông tin: Bà Đặng Thị T, ông Lý Văn C là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2017. Ông C hiện nay đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Hai vợ chồng bà T, ông C đã sống ly thân được 04 năm, khoảng từ năm 2022. Về đời sống hôn nhân, hai vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên cụ thể như thế nào Ông không nắm được. Về con chung: Bà T, ông C có 02 con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Lý Văn H, sinh ngày 27/7/2017. Hiện nay, cháu T đang ở với mẹ, cháu đã học hết lớp 9; còn cháu H đang ở với bà nội, hiện đang học tại Trường Tiểu học X.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T, xử cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông

Lý Văn C. Về con chung, giao cho bà T trực tiếp nuôi cháu Lý Thị T, ông C trực tiếp nuôi cháu Lý Văn H; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn bà Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Đặng Thị T khởi kiện bị đơn ông Lý Văn C về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Tuyên Quang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Lý Văn C không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ và chứng minh. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông Lý Văn C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Phía nguyên đơn bà Đặng Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Lý Văn C đăng ký kết hôn ngày 07/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ); việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét thấy bà T, ông C đã sống ly thân từ năm 2022, không còn tình cảm; vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông C vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Căn cứ các điều 19, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T, xử cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Lý Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông C chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về việc nuôi con khi ly hôn: Bà Đặng Thị T và ông Lý Văn C có 02 con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Lý Văn H, sinh ngày 27/7/2017. Xét thấy cháu T là con gái hiện đã hơn 16 tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; cháu H là con trai hiện cũng đã trên 08 tuổi. Việc giao cháu T cho mẹ, giao cháu H cho bố trực tiếp nuôi sau khi bố mẹ ly hôn là hoàn toàn phù hợp. Căn cứ các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T, giao cho bà T trực tiếp nuôi cháu Lý Thị T, giao cho ông C trực tiếp nuôi cháu Lý Văn H; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Xét thấy nguyên đơn bà Đặng Thị T không có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn bà Đặng Thị T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đặng Thị T ly hôn với ông Lý Văn C.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị T được trực tiếp nuôi cháu Lý Thị T, sinh ngày 05/10/2009. Giao cho ông Lý Văn C được trực tiếp nuôi cháu Lý Văn H, sinh ngày 27/7/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đặng Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001810 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương